

Một số đột phá trong đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam

ĐỖ HOÀI NAM

Bắt đầu từ cuối thập niên đầu của thế kỷ XXI, đặc biệt sau Đại hội lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam, vấn đề đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế đã được đặt ra một cách quyết liệt và đồng bộ. Bài viết này tập trung vào hai nội dung chủ yếu là sự cần thiết và một số đột phá trong đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020.

1. Sự cần thiết phải đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế

Sự nghiệp đổi mới để phát triển ở Việt Nam được chính thức bắt đầu từ năm 1986, do Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng. Kể từ đây, Việt Nam đã tiến hành công cuộc đổi mới mô hình kinh tế tổng quát nói chung và mô hình tăng trưởng kinh tế nói riêng với nội dung trọng tâm là chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu và bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thị trường, mở cửa và hội nhập. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu; vừa định hướng thị trường, vừa chịu sự quản lý và điều tiết của Nhà nước chủ yếu thông qua các công cụ điều tiết vĩ mô; mở cửa và từng bước chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế ở tất cả các cấp độ: khu vực, song phương và toàn cầu; khai thác tất cả các nguồn lực của xã hội để phát triển vì mục tiêu cao nhất là phát triển toàn diện và sáng tạo con người Việt Nam, kết hợp tốt nội lực với ngoại lực, nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng; khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển, đổi mới và nâng cao hiệu quả của kinh tế nhà nước, thu hút đầu tư nước ngoài để hướng mạnh vào xuất khẩu

và thay thế có hiệu quả một số sản phẩm có thể sản xuất trong nước hoặc vươn lên có thể sản xuất được dựa trên lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh quốc gia, ngành và sản phẩm. Trên cơ sở những định hướng này mà thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế xét trên góc độ ngành, vùng, sản phẩm, lao động và công nghệ theo hướng hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh dựa trên cơ sở giải phóng triệt để sức sản xuất và nền tảng của khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao, quản lý hiện đại, từng bước phát triển kinh tế tri thức, thực hiện công nghiệp hóa rút ngắn để đến năm 2020, Việt Nam về cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Việc lựa chọn mô hình tăng trưởng kinh tế với những định hướng cơ bản trên là tất yếu khách quan và phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước. Chính nhờ sự thay đổi phương thức phát triển này mà sau 10 năm, Việt Nam đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và từ năm 1996, với Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII, chuyển sang một giai đoạn phát triển mới – giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa để đến năm 2020 về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Sau hơn 25

Đỗ Hoài Nam, GS.TS., Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

năm đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế gắn liền với đổi mới toàn diện đất nước, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và là nội dung trung tâm của tiến trình đổi mới toàn diện này, những thành tựu đã thu được là to lớn và có ý nghĩa lịch sử.

Kinh tế tăng trưởng nhanh, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 1991 – 2000 là 7,5%, giai đoạn 2001 – 2010 là 7,26%. Thế và lực kinh tế của Việt Nam ngày càng tăng lên, cứ 10 năm, tổng sản phẩm quốc nội tăng gấp đôi. GDP theo giá thực tế năm 2008 là 89,1 tỷ USD, đứng thứ 57/182 nước theo xếp hạng của Ngân hàng Thế giới; năm 2010 là 106 tỷ USD, gấp 3,4 lần năm 2000. GDP bình quân đầu người theo giá thực tế năm 2008 là 1047 USD, năm 2010 là 1220 USD. Doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã phát triển mạnh; kinh tế tư nhân, đầu tư nước ngoài và xuất khẩu trở thành động lực tăng trưởng của nền kinh tế. Năm 2012, lần đầu tiên xuất khẩu của Việt Nam sẽ cán đích 100 tỷ USD. Chính nhờ có tăng trưởng kinh tế mà đời sống của nhân dân được cải thiện; y tế, giáo dục, văn hóa, khoa học và công nghệ đã có bước phát triển; quốc phòng và an ninh được củng cố và tăng cường, chính trị và xã hội được ổn định. Các điều kiện trong nước cũng nhờ đó được chuẩn bị và tạo cơ sở tốt cho hội nhập kinh tế nói riêng và hội nhập quốc tế nói chung dưới tác động ngày càng sâu rộng của toàn cầu hóa và khu vực hóa. Bắt đầu từ năm 2008, Việt Nam gia nhập danh sách các nước đang phát triển có thu nhập trung bình và có Chỉ số phát triển con người (HDI) thuộc nhóm trung bình cao trong các quốc gia và vùng lãnh thổ.

Trong quá trình chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng mới, mối quan hệ Nhà nước và thị trường, Nhà nước và doanh nghiệp, thị trường và doanh nghiệp và người tiêu dùng

đã từng bước được điều chỉnh ngày càng phù hợp với các nguyên tắc của nền kinh tế thị trường và yêu cầu quản lý, điều hành của Nhà nước. Doanh nghiệp đã được trao quyền chủ động quyết định theo yêu cầu của thị trường và theo luật định, buộc phải chăm lo nhiều hơn đến lợi ích của người tiêu dùng và thực hiện trách nhiệm xã hội. Nhà nước về cơ bản đã tập trung vào định hướng, tạo môi trường và ổn định kinh tế vĩ mô, thực hiện quản lý, điều hành và kiểm soát nền kinh tế chủ yếu bằng luật pháp và công cụ chính sách.

Đồng thời với những ưu điểm và thành tựu, mô hình tăng trưởng kinh tế mà Việt Nam đang áp dụng ngày càng bộc lộ nhiều yếu kém và khuyết điểm, hiện đang cản trở sự tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững của nền kinh tế trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. *Có thể khái quát một số khuyết điểm, yếu kém nổi bật của mô hình tăng trưởng kinh tế này như sau:*

- Tăng trưởng theo chiều rộng, chủ yếu là tiêu phí nhiều tài nguyên nên hủy hoại môi trường, tăng vốn đầu tư nhưng cơ cấu vốn đầu tư có nhiều bất hợp lý và hiệu quả vốn đầu tư thấp.

Yếu tố vốn đóng góp vào tăng trưởng GDP giai đoạn 1993 – 1997 là 69,3%, 1998 – 2002 là 57,2%, 2003 – 2008 là 52,7%. Để tạo ra 1USD GDP, Việt Nam phải sử dụng một lượng điện nhiều hơn 4,65 lần so với Hồng Kông; 3,12 lần so với Xingapo; 1,37 lần so với Thái Lan và 1,69 lần so với Malaixia. ICOR của Việt Nam giai đoạn 2001 – 2008 tính theo giá cố định là 6,92 và tốc độ tăng trưởng GDP bình quân năm là 7,55%. Trong khi đó ICOR của Trung Quốc giai đoạn 2001 - 2003 là 4,1 và tốc độ tăng trưởng GDP bình quân năm là 9,5%¹.

¹ Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và đầu tư

- Nhà nước là nhà đầu tư chính thông qua đầu tư công và dựa vào doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt là tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước, nhưng kinh tế nhà nước nói chung và tập đoàn kinh tế nhà nước nói riêng nhìn trên tổng thể là hoạt động kém hiệu quả và về cơ bản vẫn còn nhiều yếu tố phi thị trường.

- Cơ cấu kinh tế - một yếu tố cốt lõi của mô hình tăng trưởng chứa đựng nhiều yếu tố bất hợp lý, chậm được chuyển dịch mạnh dựa trên lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh. Sự trùng lặp cơ cấu ngành nghề công nghiệp với công nghệ thấp và mang nặng tính gia công, chi phí gia nhập thị trường cao là phổ biến giữa các tỉnh và giữa các vùng.

- Thể chế kinh tế thị trường đầy đủ chậm được tạo lập. Ở một số lĩnh vực, thí dụ như đất đai, lao động, công nghệ; một số khâu, thí dụ như phân bổ các nguồn lực, đặc biệt là phân bổ lần đầu thì tác động của những tín hiệu thị trường rất yếu ớt. Vẫn còn nhiều trục trặc trong việc giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - doanh nghiệp nhìn từ chức năng của những chủ thể này trong nền kinh tế thị trường. Ở một số khâu và trong một số trường hợp, Nhà nước vẫn nắm cái cần buông và buông cái cần nắm.

- Thiếu động lực kinh thích nên năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế rất thấp và chậm được cải thiện. Khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo chưa thực sự trở thành quốc sách và động lực chính của mô hình tăng trưởng. Còn thiếu nghiêm trọng nguồn nhân lực chất lượng cao. Tiền công và tiền lương không có tác dụng kích thích người lao động.

Chỉ tính riêng năm 2008, năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam đứng thứ 65 trong tổng số 133 nước xếp hạng của Ngân hàng Thế giới, thấp hơn Indônêxia 14 bậc, thấp hơn Trung Quốc 34 bậc và thấp hơn Thái Lan 40 bậc.

Yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng GDP giai đoạn 1993 - 1997 là 14%, 1998 - 2002 là 22,5%, 2003 - 2008 là 28,2%².

Mô hình tăng trưởng theo chiều rộng mà Việt Nam áp dụng là tất yếu và đã phát huy tác dụng tích cực trong 15 năm đầu của công cuộc đổi mới. Nhưng sau đó đã chậm chuyển đổi để thích ứng với bối cảnh và điều kiện toàn cầu, khu vực và trong nước đã có nhiều thay đổi, nên các yếu tố tích cực của mô hình giảm dần và những khuyết tật của nó ngày càng gia tăng, tích tụ để đến nay thì bộc lộ rất gay gắt. Đại hội lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã phân tích sâu sắc những khuyết tật này và quyết định với quyết tâm chính trị cao về nội dung và các giải pháp chủ yếu để đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, trong đó trọng tâm là tăng trưởng kinh tế hợp lý giữa theo chiều rộng và theo chiều sâu; vừa mở rộng quy mô, vừa coi trọng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và tính bền vững của nền kinh tế gắn với phát triển kinh tế tri thức; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế, trọng tâm là tái cơ cấu đầu tư công, tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại và tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trước hết là tập đoàn doanh nghiệp nhà nước; gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh; bảo đảm phúc lợi xã hội và an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân³.

2. Một số giải pháp đột phá

2.1. Đẩy nhanh việc hình thành thể chế của một nền kinh tế thị trường đầy đủ

Đây là giải pháp đột phá, tạo tiền đề cần thiết để đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ

² Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và đầu tư.

³ Xem Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, tr. 107.

cấu nền kinh tế dựa trên những nguyên lý của thị trường và kinh tế thị trường. Việt Nam đã hơn 25 năm tạo lập và phát triển nền kinh tế thị trường. Cho đến nay, nền kinh tế thị trường này về cơ bản đã hình thành, phát huy tác dụng tích cực trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội và Việt Nam đang thực hiện những công việc của bước chuyển cuối cùng để một nền kinh tế thị trường đầy đủ và theo định hướng xã hội chủ nghĩa hiện hữu trong đời sống kinh tế - xã hội đất nước.

Trong số những công việc của bước chuyển cuối cùng này cần nhấn mạnh:

- *Giải quyết căn bản mối quan hệ giữa Nhà nước – thị trường – doanh nghiệp nói chung và mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường; Nhà nước và doanh nghiệp; thị trường và doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp nhà nước nói riêng.*

Cả về lý luận lẫn thực tiễn đều đòi hỏi việc giải quyết những mối quan hệ kể trên phải căn cứ vào chức năng của Nhà nước, thị trường và doanh nghiệp phù hợp với điều kiện đặc thù của đất nước, để điều chỉnh hợp lý chức năng của Nhà nước và chức năng của kinh tế nhà nước nói chung, của doanh nghiệp nhà nước nói riêng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Trong các Văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam từ Đại hội lần thứ VI, đặc biệt từ Đại hội lần thứ VIII đến nay đã từng bước khẳng định quan điểm và cụ thể hóa những quy định về chức năng kinh tế của Nhà nước pháp quyền Việt Nam trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Theo đó, Nhà nước cam kết tôn trọng những quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường và tạo môi trường thuận lợi cho nền kinh tế này hoạt động có hiệu quả. Nhà nước tập trung vào ổn định môi trường kinh

tế vĩ mô, định hướng, điều tiết, kiểm tra, giám sát nền kinh tế chủ yếu qua hệ thống luật pháp và các công cụ quản lý vĩ mô như chiến lược, quy hoạch, kế hoạch 5 năm và hàng năm, cơ chế và chính sách trên những nguyên tắc của thị trường. Nhà nước giảm thiểu sự can thiệp hành chính vào hoạt động của doanh nghiệp và thị trường. Về nguyên tắc, Nhà nước chỉ can thiệp một khi nền kinh tế trong nước bị biến động mạnh bởi tác động xấu của khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu hoặc khu vực, gây bất ổn nghiêm trọng kinh tế vĩ mô. Nhà nước Việt Nam đã kiên định theo hướng này và tập trung trong nửa đầu những năm 2010 các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý và điều hành vĩ mô nền kinh tế trên cơ sở hoàn thiện hệ thống luật pháp, đổi mới cơ bản và toàn diện công tác chiến lược, quy hoạch và kế hoạch, cơ chế và chính sách để chúng phù hợp hơn nữa, thúc đẩy mạnh mẽ, có hiệu quả hơn nữa sự phát triển nhanh, bền vững của nền kinh tế dưới tác động của kinh tế thị trường đầy đủ, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Cần nhấn mạnh rằng, phát triển bền vững là quan điểm xuyên suốt và chi phối toàn bộ quá trình đổi mới căn bản, toàn diện quản lý và điều hành vĩ mô của nhà nước trong giai đoạn 2011 – 2020.

- *Tạo lập đồng bộ và vận hành có hiệu quả các loại thị trường*

a/ *Thị trường hàng hóa và dịch vụ đã được hình thành gần như đầy đủ và về cơ bản được vận hành thông suốt ở Việt Nam. Những bước đi cuối cùng của thị trường này để đạt đến trình độ đầy đủ là:*

+ Tiếp tục đẩy mạnh tự do hóa thương mại. Nhà nước trao cho thị trường quyền quyết định giá cả của toàn bộ hàng hóa và dịch vụ tham gia trên thị trường theo quy

luật cung cầu, cạnh tranh và giữ vai trò kiểm soát, quản lý, điều tiết vĩ mô về giá⁴.

+ Xóa bỏ độc quyền nhà nước trong những lĩnh vực kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận và mọi hình thức bao cấp qua giá; chống độc quyền doanh nghiệp, nhất là độc quyền của các tập đoàn doanh nghiệp nhà nước.

+ Phát triển mạnh các hình thức dịch vụ, nhất là dịch vụ chất lượng cao, có hàm lượng tri thức nhiều và giá trị gia tăng lớn.

b/ Hình thành đồng bộ và vận hành thông suốt, có hiệu quả thị trường bất động sản, bao gồm thị trường quyền sử dụng đất và bất động sản gắn liền với đất. Tư duy đột phá về đất của Đảng và Nhà nước Việt Nam là coi quyền sử dụng đất là một hàng hóa đặc biệt; đất là nguồn vốn và nguồn lực rất to lớn cần phải được huy động và sử dụng một cách hiệu quả nhất cho phát triển; bảo đảm Nhà nước là nhà đầu tư lớn nhất về đất, là người được hưởng nhiều nhất từ thị trường quyền sử dụng đất và địa tô siêu ngạch từ đất.

Hiện nay Nhà nước Việt Nam đang tiếp tục thực hiện sửa đổi, hoàn thiện Luật Đất đai và các chính sách có liên quan đến đất đai; tăng cường, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý đất đai, chống tham nhũng về đất đai và tình trạng “bong bóng” trên thị trường bất động sản, bảo đảm cho hoạt động của thị trường bất động sản công khai, minh bạch. Các chính sách về đất đai, một mặt ổn định diện tích trồng lúa nhằm giải quyết tốt vấn đề an ninh lương thực cho một quốc gia có dân số trên 100 triệu người sau năm 2020, mặt khác phải thực sự trở thành nguồn tài nguyên, nguồn lực và nguồn vốn to lớn để công nghiệp hóa, hiện đại hóa và vượt qua “cái bẫy thu nhập trung bình” để trở thành một nước công nghiệp phát triển vào giữa thế kỷ này. Một chính sách đất đai chỉ bền vững một khi nó dựa trên cơ sở thực

sự tôn trọng và giải quyết hài hòa về mặt lợi ích giữa nhà nước, chủ sở hữu đất, chủ sử dụng đất và nhà đầu tư.

c/ Phát triển mạnh thị trường lao động, nhất là thị trường lao động chất lượng cao nhằm đáp ứng yêu cầu của đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế. Theo hướng này, mọi rào cản hành chính gây trở ngại cho sự hình thành và vận hành của thị trường lao động sẽ bị bãi bỏ, bảo đảm cho lao động có thể dịch chuyển dễ dàng giữa các vùng, các ngành và các doanh nghiệp. Đồng thời phải coi sức lao động là hàng hóa đặc biệt và tạo môi trường thể chế thuận lợi để mối quan hệ cung và cầu lao động được giải quyết căn bản trên thị trường lao động. Việt Nam đang nghiên cứu để đổi mới toàn diện chế độ tiền công, tiền lương, chế độ phúc lợi xã hội và hệ thống an sinh xã hội đối với người lao động trên nguyên tắc thị trường có sự quản lý của nhà nước; tiền công, tiền lương của người lao động phải được trả đúng theo giá trị sức lao động của họ để từ đó, khôi phục lại và nâng cao vai trò là một động lực cho phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Việt Nam cũng đang mở rộng thị trường lao động vượt khỏi phạm vi quốc gia, tham gia vào thị trường lao động khu vực và toàn cầu; vừa là người cung cấp lao động cho nhiều nước trong khu vực và thế giới, vừa là người tiếp nhận có chọn lọc những lao động nước ngoài có chất lượng cao trong một số ngành nghề và lĩnh vực ưu tiên nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng hiện đại, xanh, sạch và thân thiện với môi trường. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động có chất lượng lao động ngày càng cao cần được coi là một đột phá trong tái cơ cấu nền kinh tế ở Việt Nam.

⁴ Hiện nay Nhà nước chỉ giữ quyền quyết định về giá điện, than sản xuất điện, giá xăng dầu và giá cước vận tải.

d/ Phát triển nhanh thị trường khoa học và công nghệ. Ở Việt Nam, thị trường khoa học đã hình thành, nhưng mới ở giai đoạn đầu, nên đóng góp của khoa học và công nghệ vào tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế; thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu ngành, vùng lao động và công nghệ theo hướng hiện đại còn rất nhỏ bé.

Để có thể nâng cao vai trò động lực của khoa học và công nghệ trong quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng gắn liền với tái cơ cấu kinh tế, thì giải pháp đột phá là kiên quyết xóa bỏ cơ chế hành chính, quan liêu và bao cấp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, đặt khoa học và công nghệ, trừ nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu phục vụ đường lối chính sách, hoạt động trên những nguyên tắc của thị trường, theo đó các sản phẩm khoa học và công nghệ phải là hàng hóa và được mua bán trên thị trường theo đúng giá trị của nó. Cần có những chính sách khuyến khích bằng kinh tế và ép buộc về kinh tế đủ mạnh để các doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi cơ cấu mặt hàng, sản phẩm; nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trên cơ sở áp dụng công nghệ mới, thân thiện với môi trường để tăng cầu về khoa học và công nghệ. Mặt khác, cần đổi mới căn bản hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ theo hướng thị trường, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tích cực và chủ động hội nhập, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu & triển khai với sản xuất, thực hiện liên kết có hiệu quả giữa nhà khoa học với nhà doanh nghiệp (hoặc nhà nông) và nhà quản lý để tạo những bứt phá trong phát triển của thị trường khoa học và công nghệ, tạo đà cho khoa học và công nghệ thực sự là đòn bẩy thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế trên nền tảng công nghệ xanh, quản trị xanh. Cần phát triển có hiệu quả các công viên công nghệ xanh với vai trò “bà đỡ” ban đầu của nhà nước.

e/ Phát triển đồng bộ và vững chắc thị trường tài chính, bao gồm thị trường vốn và thị trường tiền tệ

Thị trường vốn phải được xem là một kênh rất quan trọng để huy động mọi nguồn vốn của xã hội cho đầu tư phát triển. Nguồn vốn phải được dịch chuyển vào những nơi hoạt động có hiệu quả theo sự dẫn dắt của những tín hiệu tốt trên thị trường, không bị biến dạng bởi các quyết định hành chính là một đòi hỏi cấp thiết để đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cơ cấu kinh tế theo ngành, vùng, thành phần, sản phẩm và công nghệ. Cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn cơ bản của Việt Nam thì khâu đột phá là giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường trong việc phân bổ các nguồn lực và nguồn vốn cho phát triển, đặc biệt là phân bổ lần đầu. Cho dù sự phân bổ thuộc về Nhà nước thì cũng phải tôn trọng khách quan các nguyên tắc của thị trường, coi trọng các tín hiệu chỉ dẫn của thị trường. Tăng cường quản lý nhà nước đối với thị trường vốn, bảo đảm cho thị trường này vận hành thông suốt, công khai, minh bạch và hiệu quả. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn vốn đầu tư ngắn hạn của nước ngoài thông qua thị trường chứng khoán.

Về cơ bản *thị trường tiền tệ* ở Việt Nam đã hình thành và vận hành trên những nguyên lý của kinh tế thị trường và nguyên tắc quản lý và điều hành của Nhà nước. Cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 - 1999 và cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu năm 2008 - 2009 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam. Từ kết quả của các giải pháp giảm thiểu tác động xấu của những cuộc khủng hoảng này, Việt Nam đã tự rút ra được nhiều bài học về phát triển và quản lý thị trường tiền tệ, điều hành chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa với mục tiêu là góp phần chống lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô,

ngăn chặn đà suy giảm tăng trưởng, tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới mô hình tăng trưởng, thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả phát triển theo định hướng của Nhà nước.

2.2. Tái cơ cấu nền kinh tế, khâu đột phá để đổi mới mô hình tăng trưởng

(1) Tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công

Việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng (với các đặc trưng đã phân tích ở trên) sang chiều sâu dựa trên nền tảng của khoa học và công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao, quản lý hiện đại đã đòi hỏi phải tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công như là một giải pháp ưu tiên và có ý nghĩa đột phá.

Để giải bài toán về tái cơ cấu đầu tư, điều quan trọng mà Đảng và Nhà nước Việt Nam đã xác định là đổi mới tư duy về vai trò và chức năng kinh tế của nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, để trên cơ sở này thay đổi cơ bản tư duy về đầu tư công. Nhà nước chỉ tập trung đầu tư có trọng tâm, ưu tiên để làm tốt chức năng là người cung cấp hàng hóa và dịch vụ công nhằm thỏa mãn ở mức cao nhất yêu cầu của người tiêu dùng về số lượng, chủng loại, chất lượng với giá bán hợp lý và đầu tư hỗ trợ phát triển của nền kinh tế và của các chủ thể kinh tế ở tất cả các thành phần kinh tế, không phân biệt hình thức sở hữu. Nhà nước chỉ đầu tư vào các lĩnh vực mà tư nhân không muốn làm, không đủ sức làm hoặc không được phép làm (chủ yếu trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh). Với tư duy này, Nhà nước sẽ điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng giảm hợp lý tỷ trọng vốn đầu tư của nhà nước trong tổng vốn đầu tư của xã hội và nâng cao hiệu quả của đầu tư công, Đồng thời khuyến khích tư nhân trong nước và nước ngoài đầu tư vào

các lĩnh vực sản xuất và cung cấp hàng hóa và dịch vụ công với nhiều hình thức đa dạng, hiệu quả và hài hòa lợi ích của các bên cùng tham gia, trong đó trước hết tập trung vào các dự án phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội.

Đồng thời cần nâng cao chất lượng của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch 5 năm về phát triển kinh tế - xã hội cũng như rà soát các dự án đầu tư, kiên quyết đình chỉ các dự án kém hiệu quả, khắc phục tình trạng đầu tư tràn lan trên cơ sở những tiêu chí đánh giá có căn cứ khoa học. Cũng cần bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện những quy định pháp luật, cơ chế và chính sách về đầu tư, nhất là đầu tư công, về phân cấp quản lý nhà nước giữa trung ương và địa phương về thu, chi ngân sách và đầu tư phát triển theo hướng rõ ràng hơn nữa về quyền và trách nhiệm; sự tham dự của cộng đồng dân cư vào các quyết định đầu tư tại địa phương; đề cao kỷ luật và kỷ cương; chống tham nhũng, lãng phí, thất thoát trong đầu tư công. Kiên quyết chống tư duy nhiệm kỳ, bệnh thành tích, lợi ích nhóm trong các quyết định về chiến lược, quy hoạch và chính sách phát triển, trong các quyết định về dự án và siêu dự án đầu tư phát triển.

(2) Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước

Không thể và không nên phủ nhận những đóng góp tích cực của khu vực doanh nghiệp nhà nước trong gần 30 năm đổi mới và phát triển đất nước. Nhưng cũng phải thẳng thắn nhìn vào sự thật để thấy rằng, nếu nhìn trên tổng thể và đại cục thì khu vực doanh nghiệp nhà nước phát triển không nhanh và chưa bền vững; chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp và thua kém khu vực tư nhân; kết quả đem lại không tương xứng với cơ hội, nguồn lực mà xã hội dành cho và không đáp ứng được yêu cầu mà xã hội kỳ

vọng. Để tạo ra 1 đồng doanh thu, doanh nghiệp nhà nước phải sử dụng 2,2 đồng vốn, trong khi đó doanh nghiệp tư nhân chỉ cần 1,3 đồng và doanh nghiệp FDI chỉ cần 1,2 đồng. Khu vực doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 70% tài sản, đất đai và trên 70% nguồn vốn ODA được sử dụng cho mục đích kinh doanh, 60% tín dụng của nền kinh tế nhưng lại đóng góp vào tăng trưởng GDP hàng năm luôn ở mức thấp nhất so với doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp tư nhân. Nhiều tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường. Một số tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước kinh doanh thua lỗ và thất thoát nghiêm trọng, gây bức xúc lớn trong nhân dân. Đại hội Đảng lần thứ XI và Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ ba khóa XI đã khẳng định phải tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế nhà nước.

Đại hội lần thứ XI của Đảng cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế nhà nước là nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của kinh tế nhà nước để thành phần kinh tế này mạnh lên và đủ sức làm tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu đang từng bước phát triển theo hướng hiện đại và vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là quan điểm chỉ đạo và là vấn đề mang tính nguyên tắc.

Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước mà trọng tâm là tập đoàn kinh tế nhà nước được thực hiện lần này phải hệ thống và đồng bộ từ đổi mới tư duy, đổi mới và hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế và chính sách, điều chỉnh ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, đổi mới và hoàn thiện những nguyên tắc phân bổ nguồn lực cho doanh nghiệp nhà nước, vai trò của nhà

nước với tư cách chủ sở hữu trong doanh nghiệp nhà nước và vai trò nhà nước với tư cách quản lý vĩ mô nền kinh tế đến việc điều chỉnh vốn sở hữu nhà nước, vai trò đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước, cổ phần hóa, chuyển đổi mô hình tổ chức và quản lý doanh nghiệp nhà nước.

Với những phân tích như trên thì những định hướng lớn để tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước đến hết năm 2020 là:

- Tiếp tục đổi mới tư duy kinh tế và chính trị về doanh nghiệp nhà nước để tạo sự đồng thuận xã hội về vai trò của doanh nghiệp nhà nước, những ngành và lĩnh vực cần phải có doanh nghiệp nhà nước. Trên cơ sở này rà soát để điều chỉnh, thu hẹp phạm vi ngành nghề và lĩnh vực cần phát triển doanh nghiệp nhà nước và tiếp tục giảm mạnh số lượng doanh nghiệp nhà nước. Về cơ bản, doanh nghiệp nhà nước nên được tập trung vào lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ công, quốc phòng và an ninh.

- Xác định rõ vai trò chủ sở hữu nhà nước và thể chế hóa rõ ràng, rành mạch về trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân được ủy quyền thực hiện nhiệm vụ đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước và tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước, nhất là tại các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước. Nên thành lập một tổ chức duy nhất có chức năng thực hiện tập trung quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Các bộ, ngành và UBND các tỉnh (thành phố) sẽ tập trung thực hiện chức năng quản lý nhà nước, không thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu với các doanh nghiệp nhà nước.

- Tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước để đa dạng

hóa sở hữu và thu hút các nhà đầu tư chiến lược của khu vực tư nhân trong và ngoài nước. Trên cơ sở đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà Nhà nước thực hiện việc di chuyển vốn nhà nước ở những doanh nghiệp không cần thiết có sự tham gia, hoặc không cần thiết phải là cổ đông lớn nhất.

- Đổi mới luật pháp, cơ chế và chính sách buộc các doanh nghiệp nhà nước phải hoạt động theo nguyên tắc thị trường và chịu sự tác động đầy đủ của kinh tế thị trường. Kiên quyết xóa bỏ các hình thức ưu đãi cho doanh nghiệp nhà nước, nhất là cho tập đoàn và tổng công ty nhà nước. Tính đúng, tính đủ giá trị doanh nghiệp, trong đó có giá đất theo giá thị trường khi bán, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước hoặc khi giao, góp vốn nhà nước.

- Áp dụng chế độ quản trị công ty hiện đại tại các doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước. Thực hiện thi tuyển tổng giám đốc hoặc thuê tổng giám đốc là người nước ngoài, trước mắt là ở các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước.

- Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống luật pháp để tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả của quản lý của nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và xóa bỏ tình trạng chông chéo của nhiều cơ quan nhà nước cùng thực hiện chức năng chủ sở hữu tại doanh nghiệp nhà nước.

- Áp dụng chế tài mạnh để mọi hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước phải được minh bạch hóa, công khai hóa và kiểm toán tin cậy hàng năm.

(3) Tái cơ cấu hệ thống tài chính, trọng tâm là hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính

Sau hơn 25 năm đổi mới và phát triển, hệ

thống tài chính của Việt Nam bao gồm các định chế tài chính và thị trường tài chính đã phát triển mạnh và đã đóng một vai trò quan trọng trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, huy động được nhiều nguồn vốn cho phát triển nhanh kinh tế - xã hội và đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, mở cửa và hội nhập quốc tế. Nhưng hiện nay, trước bối cảnh nền kinh tế chịu tác động lớn của khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu và những đòi hỏi mới của sự phát triển đất nước, đặc biệt là yêu cầu chống lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, chặn đà suy giảm tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội thì việc tái cơ cấu hệ thống tài chính, trọng tâm là hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính là rất cần thiết và được coi là một trong những nội dung trọng yếu và giải pháp đột phá của tái cơ cấu nền kinh tế trong giai đoạn 2011 – 2020.

Quán triệt những quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ ba (khóa XI) của Đảng Cộng sản Việt Nam cần tập trung vào một số định hướng lớn sau:

- Tăng cường quản lý nhà nước đối với thị trường tài chính, bao gồm thị trường tiền tệ, thị trường tín dụng - ngân hàng, thị trường chứng khoán (thị trường cổ phiếu và thị trường trái phiếu).

Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với thị trường tài chính trong quá trình tái cấu trúc, thì một trong những điều kiện tiên quyết là Nhà nước cần đảm bảo cho thị trường tài chính vận hành ổn định, công khai và minh bạch theo những nguyên tắc bắt buộc của nền kinh tế thị trường đầy đủ và được giám sát, đánh giá theo thông lệ quốc tế và chuẩn mực quốc tế. Cần phòng tránh và giảm thiểu rủi ro của của thị trường tài chính, đặc biệt là thị trường tín dụng, thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản trước những biến

động xấu của thị trường tài chính toàn cầu. Đồng thời cần phát triển mạnh thị trường chứng khoán và đổi mới hoạt động của những ngành nghề có liên quan đến hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán, để thị trường chứng khoán được xem như là một kênh rất quan trọng và có ý nghĩa chiến lược trong việc huy động vốn cho doanh nghiệp với tầm nhìn trung hạn và dài hạn. Thực hiện quản lý chặt chẽ nợ xấu của doanh nghiệp, kiểm soát nợ nước ngoài của Chính phủ và doanh nghiệp, nhất là nợ của các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước. Kiên quyết xóa bỏ tình trạng “đô la hóa”, “vàng hóa” và “tiền mặt hóa” nền kinh tế và thị trường ngầm về một số ngoại tệ mạnh khác.

- Đẩy mạnh tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính theo hướng giảm mạnh số lượng, hình thành một số lượng hợp lý các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính có quy mô lớn, có mô hình tổ chức và chế độ quản trị hiện đại, hoạt động theo chuẩn mực quốc tế, có khả năng cạnh tranh quốc tế và phấn đấu có thương hiệu khu vực, một số có thương hiệu toàn cầu.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã phát đi những tín hiệu và có những bước đi ban đầu xử lý các ngân hàng thương mại yếu kém để giảm nhanh số lượng, sát nhập và hợp nhất các ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính nhỏ lại với nhau, hoặc với một ngân hàng thương mại lớn. Bảo đảm tính thanh khoản và an toàn hệ thống là yêu cầu bắt buộc đối với hệ thống ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính. Cần giảm mạnh tỷ lệ cấp phát vốn đầu tư phát triển cho các doanh nghiệp từ các ngân hàng thương mại và tiến tới xóa bỏ chức năng cấp vốn đầu tư phát triển của ngân hàng như là “Bộ Tài chính thứ hai”. Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện môi trường pháp lý và chính

sách để các định chế tài chính được được hoạt động có hiệu quả, tôn trọng kỷ luật và kỷ cương.

Để đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính, thì việc tái cơ cấu vốn và tái cơ cấu các khoản nợ xấu của các ngân hàng thương mại với sự bảo lãnh của Nhà nước nhằm bảo đảm tính thanh khoản và an toàn hệ thống là rất cần thiết.

2.3. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội nhằm giảm thiểu những tác động xấu về mặt xã hội trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế

Trong môi trường mở cửa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng thì những rủi ro của thị trường cùng với những cú sốc bên ngoài do khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, thảm họa môi trường và biến đổi khí hậu,... sẽ có thể có những tác động xấu đến đời sống của người lao động. Xét trên tầm nhìn trung hạn và dài hạn, việc đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng hiện đại với những đột phá như đã đề cập ở phần trên sẽ tác động tốt đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và vì thế sẽ nâng cao mức sống vật chất và tinh thần cho người dân Việt Nam. Nhưng xét trong ngắn hạn thì việc đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển mạnh từ phát triển chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu dựa vào khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế tri thức sẽ có thể có những tác động tiêu cực đến việc làm và thu nhập của một bộ phận người lao động. Trong bối cảnh này, việc xây dựng một hệ thống an sinh xã hội vì người lao động là rất cần thiết để chủ động phòng ngừa và giảm đến mức thấp nhất những tác động xấu nếu nó xảy ra.

Hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam phải phù hợp và thúc đẩy việc thực hiện tốt

những công việc cuối cùng để hoàn tất bước chuyển sang nền kinh tế thị trường đầy đủ; góp phần ổn định và phát triển bền vững về xã hội; tạo cơ hội và nâng cao năng lực và động lực để mọi người dân đón bắt được những cơ hội phát triển mới mà quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế, phát triển kinh tế thị trường, mở cửa và hội nhập quốc tế mang lại. Hệ thống an sinh xã hội này đòi hỏi phải xóa bỏ triệt để bao cấp, “xin cho” trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc công bằng và bình đẳng xã hội, công khai, minh bạch, dân chủ và có sự tham dự của người dân, Nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội dân sự. Hệ thống này lấy người dân là chủ thể quan trọng nhất và cần được Nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội dân sự hỗ trợ phát triển để có năng lực chủ động và tích cực tự phòng tránh và giảm thiểu tổn thất của những rủi ro trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế. Đồng thời hệ thống này cũng rất coi trọng vai trò định hướng, tạo môi trường thể chế và chính sách an sinh xã hội, đầu tư hỗ trợ phát triển nhằm mở rộng cơ hội và nâng cao năng lực cho người dân, đặc biệt người nghèo, hộ nghèo, những người và gia đình có công với Tổ quốc, những người yếu thế, dễ bị tổn thương; đề cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và của các tổ chức xã hội dân sự.

Việc xây dựng và phát triển hệ thống an sinh xã hội cần và phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế đất nước và theo hướng đa dạng, đa tầng, linh hoạt và ngày càng được mở rộng về đối tượng, phạm vi, phong phú về hình thức, công bằng và hiệu quả; kết hợp đồng bộ giữa phòng ngừa rủi ro, giảm thiểu rủi ro và khắc phục rủi ro. Lưới an sinh xã hội hướng từng bước tới bao phủ toàn dân và bao phủ mọi vùng. Phấn đấu đến năm 2025 xóa bỏ về cơ bản những điểm trắng và vùng trắng về an sinh xã hội.

Để hiện thực hóa mục tiêu và những quan điểm cơ bản của việc phát triển hệ thống an sinh xã hội đã nêu ở trên, cần tập trung giải quyết tốt một số giải pháp chủ yếu sau đây:

a/ Đột phá mới về thể chế và chính sách, nhất là chính sách đất đai, lao động và vốn, tái cơ cấu đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước, tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước, hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính nhằm giải phóng triệt để sức sản xuất xã hội, phát triển mạnh khu vực tư nhân và thị trường lao động, tạo thêm nhiều việc làm mới và tăng cường đào tạo nghề cho người lao động theo yêu cầu của thị trường lao động để toàn dụng hiệu quả hơn nữa lao động xã hội cho phát triển kinh tế - xã hội đất nước và thoát nghèo bền vững. Cần coi đây là giải pháp quan trọng bậc nhất để tạo cơ sở kinh tế - xã hội cho mạng lưới an sinh thứ nhất là bảo đảm việc làm và thu nhập cho người lao động, hoạt động có hiệu quả cần quan tâm trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tái cơ cấu nền kinh tế

b/ Để mạng lưới an sinh thứ hai cho người lao động là bảo hiểm xã hội hoạt động có hiệu quả cần đẩy nhanh, mạnh và đồng bộ để hoàn thành bước chuyển từ hệ thống bảo hiểm xã hội bao cấp, chủ yếu cho người lao động thuộc khu vực nhà nước và nhà nước bao cấp gần như toàn bộ của nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, sang hệ thống bảo hiểm xã hội của nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại và theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kết hợp tốt giữa bảo hiểm bắt buộc với bảo hiểm tự nguyện, bảo hiểm thực hiện chính sách xã hội với bảo hiểm mang tính thương mại nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của các đối tượng và tầng lớp dân cư. Đồng thời cũng cần làm tốt công tác vận động, tuyên truyền, quảng cáo và nhấn mạnh sự hỗ trợ cần thiết của Nhà

nước và doanh nghiệp để người lao động chủ động, tích cực tham gia các loại hình bảo hiểm phù hợp. Đổi mới căn bản chính sách bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đồng bộ và phù hợp với cải cách căn bản chính sách tiền lương và tiền công theo nguyên tắc thị trường. Mở rộng diện thí điểm bảo hiểm hưu trí và bảo hiểm y tế cho nông dân và các hình thức bảo hiểm sản xuất nông nghiệp.

c/ Bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch trong trợ giúp xã hội trên cơ sở tiếp tục đổi mới và hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội tích cực và bền vững. Nhà nước cần chuyển mạnh từ trợ giúp trực tiếp sang trợ giúp hỗ trợ để nâng cao năng lực cho các đối tượng được trợ giúp có thể vươn lên khắc phục khó khăn trong cuộc sống, thoát cảnh đói nghèo và có khả năng tài chính tham gia bảo hiểm tự nguyện hay bắt buộc. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, "hỗ trợ cần cầu và dạy cách cầu để tự cầu được cá vẫn tốt hơn là trực tiếp cho cá". Với cách đặt vấn đề như vậy, cần phải gắn kết có hiệu quả các

chương trình mục tiêu quốc gia trong một thể thống nhất, đồng hướng, đồng chiều, đồng mục tiêu và có sự tham dự rộng rãi của người dân, thí dụ như chương trình quốc gia về việc làm, chương trình giảm nghèo bền vững, chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn, chương trình xây dựng nông thôn mới,... Trên cơ sở này, lưới an sinh thứ ba của người lao động là trợ giúp xã hội sẽ phát huy tốt vai trò và tác dụng tích cực.

d/ Mở rộng cơ hội và nâng cao năng lực của người dân tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản tối thiểu như khám chữa bệnh, giáo dục và đào tạo, nhà ở, điện thấp sáng, nước sạch sinh hoạt,... trên cơ sở phát triển nhanh, đa dạng, đồng bộ hệ thống dịch vụ xã hội và đẩy mạnh xã hội hóa gắn kết có hiệu quả với bảo đảm phúc lợi xã hội. Nâng cao chất lượng dịch vụ xã hội cơ bản phục vụ phát triển con người, nhất là y tế và giáo dục cần được xem là một công tác trọng tâm của các tổ chức và doanh nghiệp hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận trong lĩnh vực này./.